

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 793/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7 - 2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Hiệp

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xã A, huyện K, tỉnh S

(Bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1971

Địa chỉ: 168 đường Tr, phường Ph, quận T, Thành phố H

(Ông S vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ *Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Hồng S tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2003 ngày 17/4/2003. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc.

Đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu xoay quanh vấn đề tiền bạc, từ trước tới nay ông S không hề đi làm mà chỉ ở nhà chăm sóc con cái. Do đó kinh tế gia đình do một mình bà gánh vác. Thêm vào đó giữa bà và mẹ chồng có mâu thuẫn về việc mượn tiền, nhưng vì con còn nhỏ, nên bà đã cố gắng chịu đựng bỏ qua mọi chuyện. Vợ chồng đã ly thân được 08 tháng, bà về quê sinh sống với cha mẹ, trong thời gian ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống.

2/ *Bị đơn ông Nguyễn Hồng S trình bày:* Quá trình kết hôn, chung sống như lời bà Th trình bày. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà Th tự bỏ nhà đi, vợ chồng ông không gây gổ, đánh nhau. Ông xác định vợ chồng ly thân được 08 tháng, trong thời gian ly thân bà Th về quê Sóc Trăng sinh sống với gia đình, hai bên không có sự quan tâm chăm sóc cho nhau nhưng hiện nay ông vẫn còn tình cảm với vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông S và bà Th xác định có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 31/01/2004, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông S và bà Th thỏa thuận ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà Th do ông S không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Bà Th và ông S xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà Th và ông S xác nhận không có.

- Tại phiên tòa:

+ Bà Th có đơn xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trước đây, bị đơn ông Nguyễn Hồng S vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ vào bản tự khai của bà Th cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa ngày hôm nay thì quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống hôn nhân giữa hai bên không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm về mọi mặt, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông S. Ông S không đồng ý ly hôn với lý do còn yêu thương vợ nhưng lại không đưa ra bất cứ biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tình cảm vợ chồng, sự tôn trọng lẫn nhau giữa bà Th và ông S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2003 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh S cấp ngày 17/4/2003 cho bà Huỳnh Thị Th và ông Nguyễn Hồng S thì quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông S hiện đang cư trú tại quận T, Thành phố H nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Bà Huỳnh Thị Th là nguyên đơn, ông Nguyễn Hồng S là bị đơn hoàn toàn phù hợp theo đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét việc bà Huỳnh Thị Th yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng S: Theo lời trình bày của bà Th trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề tiền bạc, từ trước tới nay ông S không hề đi làm mà chỉ ở nhà chăm sóc con cái. Do đó kinh tế gia đình do một mình bà gánh vác. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng trao đổi để hàn gắn nhưng không đạt được kết quả. Bà Th và ông S đã sống ly thân được gần 01 năm nay, trong thời gian ly thân hai bên không có sự quan tâm chăm sóc cho nhau.

Ông Nguyễn Hồng S xác định quá trình chung sống, kết hôn như lời bà Th trình bày, tuy nhiên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bà Th tự bỏ nhà đi gần một năm nay và sống ly thân, trong thời gian ly thân, cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông S không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà Th.

Căn cứ Kết quả xác minh ngày 05/6/2018 của Hội liên hiệp phụ nữ phường Ph, quận T có nội dung như sau: Tại thời điểm xác minh bà Th và ông S không còn sống chung với nhau, trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông S là có thật, hiện nay đã ly thân, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Th là có căn cứ và phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Thi và ông S xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 31/01/2004, khi ly hôn bà Th và ông S thỏa thuận giao con chung cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con

chung. Xét thấy, con chung hiện đang do ông S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Để ổn định tâm sinh lý và lợi ích con chung nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên giao con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 31/01/2004 cho ông S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông S không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận. Hoàn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà Th.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông S và bà Th xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 267, Điều 271; Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Hồng S. Quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị Th và ông Nguyễn Hồng S (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2003 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh S cấp ngày 17/4/2003) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 31/01/2004 cho ông Nguyễn Hồng S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Hoàn nghĩa vụ cấp dưỡng của bà Th do ông S không yêu cầu.

Trong trường hợp ông S không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà Th hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ dân sự chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng bà Huỳnh Thị Th chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Th đã nộp theo Biên lai thu số 0010911 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Th đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

Các đương sự;

- Tòa án nhân dân TP. HCM;

- Viện kiểm sát nhân dân

quận Tân Phú, TP. HCM;

- Chi cục Thi hành án dân sự

quận Tân Phú, TP. HCM;

- Ủy ban nhân dân thị trấn Di,

huyện L, tỉnh S;

- Lưu VP, hồ sơ (Hạnh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm

